

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2019

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Liễu

Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 288/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: Số 23 đường H, khu phố 4, phường L, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Số 13 đường Đ, khu phố C, phường T, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Tôi và bà H tự tìm hiểu yêu thương nhau, chung sống cuối năm 2009 không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường V, Tp. G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 20/02/2009. Sau khi cưới vợ chồng sống tại số 23 đường H, khu phố 4, phường L, Tp. G, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn trong cuộc sống hằng ngày, thời gian chung sống vợ chồng không có con chung, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2018. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên ông N làm đơn xin ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn N xác định không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Trần Thị Kim H trình bày tại bản tự khai: Giữa tôi và ông N không có mâu thuẫn gì, tôi phát hiện ông N có quan hệ với người phụ nữ khác, tôi có khuyên can nhiều lần nhưng ông N không thay đổi. Ông N đuổi tôi ra khỏi nhà, và yêu cầu xin ly hôn. Tôi đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn N, vợ chồng không có con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu “xin ly hôn” với bà Trần Thị Kim H. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà H tự quen biết nhau, chung sống không có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường V, Tp. G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 20/02/2009 theo quy định của pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn ông N xác nhận là do tính tình không hòa hợp, quá trình chung sống không có con chung, nên xảy ra cự cãi, bất hòa. Phía bà H xác định nguyên nhân mâu thuẫn do ông N có người phụ nữ khác bên ngoài, bà H nhiều lần khuyên can nhưng ông N không thay đổi nên thường xuyên xảy ra cự cãi. Mặc dù ông N và bà H đã tự hòa giải để đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên sâu sắc.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông N đối với bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng ông N và bà H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Trong cuộc sống hàng ngày ông bà thường hay xảy ra mâu thuẫn, đồng thời quá trình chung sống không có con chung, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2018. Mặc khác, ông N và bà H từ khi sống ly thân đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông N đối với bà H là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông N đối với bà H.

[3] Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim H thống nhất xác định quá trình chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị Kim H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Trần Thị Kim H.

2/ Về con chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim H không có con chung.

3/ Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim H xác nhận không có.

5/ Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, ông N được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004963 ngày 07/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN